

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày 08-4-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Y Lan

Bà Trịnh Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Lam S; sinh năm 1982; cư trú tại: 55 đường B, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; nơi tạm trú: 95 đường Q, phường Q'', quận S'', thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Thúy N; sinh năm 1978; nơi cư trú: 05 M, Ra, MA02368, Hoa Kỳ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Lam S, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Thúy N kết hôn năm 2016; vợ chồng chung sống, có 02 người con thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nên ngày 09-11-2018 đã thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng. Đến ngày 16-3-2023, ông và bà N đăng ký kết hôn lại cũng tại Ủy ban nhân dân phường T. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn không thể chung sống hạnh phúc nên bà N đi Mỹ định cư từ đó đến nay. Hiện tại, ông với bà N không còn tình cảm vợ chồng nữa nên ông xin ly hôn.

- Về con: Ông và bà N có 02 con chung tên Trần Nguyên K, sinh ngày 06-7-2007 và Trần Lam Hải Y, sinh ngày 14-10-2014. Hiện tại cháu K đang sống cùng với bà N ở Mỹ, còn cháu Y sống cùng với ông ở Việt Nam, nên ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Y, còn bà N nuôi cháu K cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi; không phải cấp dưỡng cho con lẫn nhau.

- Về tài sản và nợ: Ông và bà N không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn bà Lê Thị Thuý N, trình bày: Bà đã nhận được các văn bản thông báo của Tòa án về việc ông Trần Lam S xin ly hôn. Hiện nay, bà đang lao động và sinh sống tại Mỹ; không có điều kiện về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn theo yêu cầu của Tòa án, nên bà có ý kiến phản hồi và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt đối với bà; đồng thời, rút ngắn thời hạn giải quyết vụ án và không tổ chức hoà giải theo quy định.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Trần Lam S.

- Về con: Bà và ông S có 02 con chung và hiện tại cháu K đang ở với bà tại Mỹ, còn cháu Y đang ở Việt Nam cùng với ông S nên bà thống nhất với ý kiến về nuôi con nói trên của ông S.

- Về tài sản và nợ: Bà và ông S không có tài sản chung và không có nợ chung.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Trần Lam S cư trú tại thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn bà Lê Thị Thuý N, cư trú tại 05 M, Ra, MA02368, Hoa Kỳ nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 464 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài là bị đơn bà Lê Thị Thuý N bằng đường bưu chính và yêu cầu bà N gửi văn bản phản hồi cho Tòa án; đồng thời, thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; cũng như thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ngày 04-3-2025, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận được Đơn trình bày ý kiến và xin xét xử vắng mặt của bà Lê Thị Thuý N, đơn này được Tổng Lãnh sự

quán Việt Nam tại New York chứng thực vào ngày 25-02-2025. Trong đó, bà N đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của ông Sơn; giao con Trần Lam Hải Y cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng; bà N trực tiếp nuôi con Trần Nguyên K; bà N và ông S không phải cấp dưỡng cho con nhau; đồng thời, bà N đề nghị rút ngắn thời gian giải quyết vụ án và xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà N.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông S đối với bà N, thì thấy: Vợ chồng ông bà kết hôn vào năm 2010 và chung sống với nhau đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nên ngày 09-11-2018 ông bà đã thuận tình ly hôn. Đến ngày 16-3-2023, ông bà kết hôn lại với nhau nhưng sau đó bà N sang Mỹ định cư nên vợ chồng sống mỗi người một nơi, mâu thuẫn phát sinh và không có điều kiện để hoà giải, hàn gắn tình cảm. Nay ông S xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; mặt khác, bà N cũng có ý kiến thống nhất thuận tình ly hôn, do đó yêu cầu xin ly hôn của ông S đối với bà N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con: Vợ chồng ông Sơn, bà N có 02 con chung tên Trần Nguyên K, sinh ngày 06-7-2007 và Trần Lam Hải Y, sinh ngày 14-10-2014. Ly hôn, ông S và bà N có ý kiến thống nhất giao cháu Y cho ông S trực tiếp nuôi và giao cháu K cho bà N trực tiếp nuôi cho đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi, ông S, bà N không phải cấp dưỡng cho con lẫn nhau. Xét sự tự nguyện thoả thuận về việc nuôi con chung của ông S, bà N là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần được chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông S và bà N không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm ông S phải chịu, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 228, Điều 464, Điều 469 và Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con của ông Trần Lam S đối với bà Lê Thị Thúy N,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Lam S được ly hôn với bà Lê Thị Thúy N.

2. Về con:

Giao con chung tên Trần Nguyên K, sinh ngày 06-7-2007 cho bà Lê Thị Thúy N trực tiếp nuôi.

Giao con chung tên Trần Lam Hải Y, sinh ngày 14-10-2014 cho ông Trần Lam S trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, ông S và bà N có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Ông Trần Lam S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003896 ngày 21-01-2025 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; ông S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần Lam S có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn bà Lê Thị Thúy N không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- UBND phường T;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Hà Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

